ĐÁP ÁN ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KỲ I - MÔN CÔNG NGHỆ 11

NĂM HỌC 2023 - 2024

**I. Nội dung kiến thức:**

Bài 1: Vai trò và triển vọng của chăn nuôi

Bài 2: Vật nuôi và phương thức chăn nuôi

Bài 3: Khái niệm, vai trò của giống trong chăn nuôi

Bài 4: Chọn giống vật nuôi

Bài 5: Nhân giống vật nuôi

Bài 6: Ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn và nhân giống vật nuôi

Bài 7: Thức ăn và nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi

Bài 8: Sản xuất và chế biến thức ăn chăn nuôi

Bài 9: Bảo quản thức ăn chăn nuôi

Bài 10: Thực hành: Chế biến, bảo quản thức ăn cho vật nuôi

**II. Trắc nghiệm**

Một số câu trắc nghiệm tham khảo

**Nhận biết**

Câu 1: Một trong những vai trò quan trọng của ngành chăn nuôi đối với đời sống con người là

A. Cung cấp nguyên liệu để sản xuất ra các mặt hàng tiêu dùng.

B. Cung cấp nguồn thực phẩm có dinh dưỡng cao.

C. Cung cấp nguồn gen quý hiếm.

D. Cung cấp nguồn đạm động vật bổ dưỡng, dễ tiêu hóa, không gây béo phì.

Câu 2: Ý nào dưới đây không phải là triển vọng ngành chăn nuôi của nước ta trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ 4.0 ?

A. Phát triển để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của con người

B. Phát triển để đáp ứng nhu cầu xuất khẩu

C. Phát triển nhờ ứng dụng khoa học công nghệ

D. Phát triển để khai thác tối đa nguồn tài nguyên thiên nhiên hiện có.

Câu 3: Đâu không phải triển vọng của ngành chăn nuôi ở Việt Nam?

A. Chăn nuôi hữu cơ

B. Phát triển chăn nuôi nông hộ

C. Phát triển chăn nuôi trang trại

D. Liên kết giữa các khâu chăn nuôi, giết mổ và phân phối

Câu 4: Các phương thức chăn nuôi chủ yếu ở nước ta là:

A. Chăn thả, chăn nuôi truyền thống, bán chăn thả

B. Chăn thả, chăn nuôi công nghiệp, chăn nuôi bán công nghiệp

C. Chăn nuôi nông hộ, nuôi nhốt, bán chăn thả

D. Chăn thả, nuôi nhốt, chăn nuôi truyền thống

Câu 5: Ý nào dưới đây là phù hợp nhất để mô tả phương thức nuôi bán công nghiệp (bán chăn thả)?

A. Là dạng kết hợp của nuôi chăn thả tự do và nuôi công nghiệp.

B. Là phương thức chăn nuôi chỉ áp dụng cho gia súc.

C. Là phương thức chăn nuôi chỉ áp dụng cho gia cầm.

D. Là phương thức chăn nuôi ghép nhiều loại gia súc, gia cầm.

Câu 6: Các chỉ tiêu cơ bản để đánh giá chọn lọc vật nuôi là:

A. Ngoại hình thể chất, khả năng sinh trưởng và phát dục, chu kỳ động dục

B. Ngoại hình thể chất, khả năng sinh trưởng và phát dục, sức sản xuất

C. Ngoại hình thể chất, chu kỳ động dục, sức sản xuất

D. Khả năng sinh sản

Câu 7: Đâu không phải cách để phân loại giống vật nuôi

A. Dựa vào nguồn gốc B. Dựa vào mức độ hoàn thiện

C. Dựa vào mục đích khai thác D. Dựa vào giới tính

Câu 8: Cho các nội dung sau:

I. Chọn những cá thể dạt tiêu chuẩn

II. Đánh giá hiệu quả chọn lọc

III. Xác định chỉ tiêu chọn lọc

Trình tự các bước đúng trong chọn lọc hàng loạt là:

A. I 🡪II🡪III B. II🡪I🡪III C. III🡪I🡪II D. II🡪 III🡪I

Câu 9: Cho các nội dung sau:

I. Chọn lọc bản thân

II. Chọn lọc tổ tiên

III. Chọn lọc theo đời sau

Trình tự câc bước đúng trong chọn lọc cá thể là:

A. I 🡪II🡪III B. II🡪I🡪III C. III🡪I🡪II D. II🡪 III🡪I

Câu 10: Lai cải tiến là gì ?

A. là phương pháp lai được sử dụng khi mà vật nuôi đã đáp ứng đủ nhu cầu nhưng vẫn còn một vài đặc điểm chưa tốt cần cải tiến

B. là phương pháp lai giữa các cá thể giống để tạo ra con lai có khả năng sản xuất cao hơn.

C. là phương pháp lai khi mà vật nuôi chỉ có được một số đặc điểm tốt nhưng vẫn còn một vài đặc điểm chưa tốt cần cải tạo để giống vật nuôi trở nên hoàn thiện hơn

D. Là phương pháp lai giữa các cá thể khác giống để tạo ra con lai có sức sản xuất cao.

Câu 11: Khẩu phần ăn là gì?

A. là một hỗn hợp thức ăn cung cấp cho vật nuôi theo từng giai đoạn sinh trưởng

B. là một hỗn hợp thức ăn cung cấp cho vật nuôi nhằm thỏa mãn tiêu chuẩn ăn.

C. là lượng thức ăn cho vật nuôi có đủ năng lượng hoạt động trong một ngày đêm

D. là lượng thức ăn cho vật nuôi có đủ dinh dưỡng theo chế độ dinh dưỡng ở từng giai đoạn phát triển.

Câu 12: Tiêu chuẩn ăn là gì?

A. là nhu cầu các chất dinh dưỡng của vật nuôi trong một ngày

B. là nhu cầu các chất dinh dưỡng của vật nuôi trong một ngày đêm

C. là nhu cầu các chất dinh dưỡng của vật nuôi để tạo ra sản phẩm

D. là nhu cầu các chất dinh dưỡng của vật nuôi để khôi phục phần năng lượng đã tiêu hao trong các hoạt động sản xuất của vật nuôi

Câu 13: Nhu cầu năng lượng của vật nuôi tùy thuộc vào những yếu tố nào?

A. giai đoạn sinh trưởng và sức sản xuất

B. loài, giống,

C. loài, giống, giai đoạn sinh trưởng và sức sản xuất

D. sức sản xuất

Câu 14: Các bước cơ bản trong quá trình chế biến thức ăn chăn nuôi bằng công nghệ vi sinh theo trật tự

A. Trộn với chế phẩm vi sinh vật 🡪 Lựa chọn nguyên liệu 🡪 Nghiền nhỏ 🡪 Ủ 🡪 Thu và đánh giá chất lượng sản phẩm

B. Lựa chọn nguyên liệu 🡪 Trộn với chế phẩm vi sinh vật 🡪 Ủ 🡪 Nghiền nhỏ 🡪 Thu và đánh giá chất lượng sản phẩm

C. Nghiền nhỏ 🡪 Ủ 🡪 Lựa chọn nguyên liệu 🡪 Trộn với chế phẩm vi sinh vật 🡪 Thu và đánh giá chất lượng sản phẩm

D. Lựa chọn nguyên liệu 🡪 Nghiền nhỏ 🡪 Trộn với chế phẩm vi sinh vật 🡪 Ủ 🡪 Thu và đánh giá chất lượng sản phẩm

Câu 15: Các bước cơ bản trong quy trình chế biến thức ăn chăn nuôi dạng viên bằng dây chuyền tự động theo trật tự

A. Nghiền nguyên liệu 🡪 ép viên 🡪 sấy khô 🡪 Phối trộn nguyên liệu 🡪 đóng bao

B. Phối trộn nguyên liệu 🡪 nghiền nguyên liệu 🡪 ép viên 🡪 sấy khô 🡪 đóng bao

C. Nghiền nguyên liệu 🡪 ép viên 🡪 phối trộn nguyên liệu 🡪 sấy khô 🡪 đóng bào

D. Nghiền nguyên liệu 🡪 phối trộn nguyên liệu 🡪 ép viên 🡪 Sấy khô 🡪 đóng bao

D. Thu và đánh giá chất lượng sản phẩm

**Thông hiểu**

Câu 16: Công nghệ Internet kết nối vạn vật là thành tựu thuộc lĩnh vực nào về việc ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi?

A. Thành tựu trong công tác giống

B. Thành tựu trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi

C. Thành tựu trong xử lý chất thải chăn nuôi

D. Thành tựu bảo vệ môi trường trong chăn nuôi

Câu 17: Căn cứ vào đặc tính sinh học, vật nuôi được phân loại dựa và những căn cứ nào?

A. đặc điểm sinh sản; cấu tạo của dạ dày.

B. hình thái, ngoại hình; đặc điểm sinh sản; cấu tạo của dạ dày.

C. hình thái, ngoại hình; đặc điểm sinh sản;

D. hình thái, ngoại hình; cấu tạo của dạ dày.

Câu 18: Trong các con vật sau đây, con vật nào là vật nuôi địa phương

A. Gà Đông Tảo B. Bò BBB (Blanc-Blue-Belgium)

C. Lợn Yorkshire D. Gà ISA Brown

Câu 19:Trong các loài vật đưới đây, loài nào là vật nuôi ngoại nhập

A. Vịt Bầu B. Lợn Ỉ C. Vịt Anh Đào D. Gà Đông Tảo

Câu 20: Phương thức chăn nuôi bán chăn thả có đặc điểm gì?

A. Vật nuôi đi lại tự do, không có chuồng trại

B. Vật nuôi tự kiếm thức ăn có trong tự nhiên

C. Vật nuôi sử dụng thức ăn công nghiệp kết hợp thức ăn tự tìm kiếm

D. Vật nuôi chỉ sử dụng thức ăn, nước uống do người chăn nuôi cung cấp.

Câu 21: Ý nào dưới đây là không phù hợp để mô tả phương thức nuôi chăn thả tự do?

A. Con vật có thể đi lại tự do, tự kiếm thức ăn.

B. Có mức dầu tư thấp, tận dụng được nguồn thức ăn tự nhiên.

C. Cho năng suất thấp và khó kiểm soát dịch bênh.

D. Con vật được nuôi trong chuồng kết hợp với chăn thả.

Câu 22: Điền cụm từ còn thiếu vào chỗ trống

Mô hình chăn nuôi hiện đại được chia làm 2 loại: ………. và …………

A. chăn nuôi bền vững – chăn nuôi thông minh

B. chăn nuôi kinh tế - chăn nuôi tiết kiệm

C. chăn nuôi thông minh – chăn nuôi hợp lý

D. chăn nuôi xanh sạch – chăn nuôi song song với bảo vệ môi trường.

Câu 23: Chọn vật nuôi làm giống nên chọn thế nào?

A. Chọn một con bất kì trong đàn

B. Chọn một con có tiềm năng di truyền xấu

C. Chọn những con có tính trạng tốt nhiều hơn tính trạng xấu

D. Chọn những con có tiềm năng di truyền vượt trội với những tính trạng mong muốn.

Câu 24: Nhu cầu Vitamin của vật nuôi phụ thuộc vào những yếu tố nào?

A. độ tuổi, tình trạng sinh lí, giai đoạn sản xuất và năng suất của vật nuôi

B. giống loài, giai đoạn sinh trưởng

C. độ tuổi, tình trạng sinh lí, giai đoạn sinh trưởng của vật nuôi

D. giống loài, độ tuổi, năng suất của vật nuôi

Câu 25: Vai trò của khoáng trong cơ thể là?

A. tham gia cấu tạo tế bào, tham gia vào nhiều quá trình chuyển hóa trong cơ thể

B. chất xúc tác trong quá trình trao đổi chất

C. cung cấp năng lượng

D. dự trữ năng lượng

Câu 26:  Tiêu chuẩn ăn của vật nuôi được biểu thị bằng :

A. Chỉ số dinh dưỡng

B. Loại thức ăn

C. Thức ăn tinh, thô

D. Chất xơ, axit amin

Câu 27 : Cho nội dung các bước sau:

I. Đóng bao, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm

II. Làm sạch, sấy khô, nghiền nhỏ nguyên liệu

III. Lựa chọn nguyên liệu

IV. Phối trộn nguyên liệu

Trật tự đúng các bước trong sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dạng bột cho vật nuôi là

A. I 🡪II🡪III 🡪IV B.IV🡪II🡪III 🡪I

C. III 🡪 II 🡪IV 🡪I D. II 🡪 III🡪IV 🡪I

Câu 28: So với sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dạng bột, các bước sản xuất thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vật nuôi có thêm bước

A. Làm sạch, nghiền nhỏ nguyên liệu

B. Phối trộn nguyên liệu

C. Hạ nhiệt độ, làm khô

D. Lựa chọn nguyên liệu

Câu 29: Cho các nội dung sau

I. Hạ nhiệt độ, làm khô

II. Lựa chọn nguyên liệu

III. Đóng bao, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm

IV. Làm ẩm nguyên liệu, tăng nhiệt độ, ép viên

V. Làm sạch, sấy khô, nghiền nhỏ nguyên liệu

VI. Phối trộn nguyên liệu

Trật tự đúng các bước sản xuất thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vật nuôi là;

A. I 🡪 II 🡪 III 🡪IV🡪V🡪VI

B. III 🡪II 🡪IV🡪I🡪V🡪VI

C. II🡪IV🡪I🡪V🡪III🡪VI

D. II 🡪 V 🡪VI 🡪V 🡪 I 🡪 III.

Câu 30: Đâu **không** phải ý nghĩa của việc bảo quản thức ăn chăn nuôi?

A. Đảm bảo chất lượng thức ăn, giúp thức ăn giữ được giá trị dinh dưỡng, giảm thiệt hại do hư hỏng và an toàn cho vật nuôi.

B. Tăng sức cạnh tranh với các đối thủ cùng ngành.

C. Dự trữ thức ăn trong thời gian cho phép.

D. Tiết kiệm chi phí thức ăn.

Câu 31: Có thể ứng dụng công nghệ vi sinh để chế biến thức ăn

A. Nghèo lipit thành thức ăn giàu lipit

B. Nghèo khoáng thành thức ăn giàu khoáng

C. Nghèo cellulose thành giàu cellulose

D. Nghèo protein thành giàu protein

Câu 32: Ưu điểm của phương pháp bảo quản thức ăn chăn nuôi bằng phương pháp làm khô là gì?

A. Khó thực hiện

B. Tốn kém

C. Ngăn chặn được sinh vật gây hại

D. Thuận lợi cho việc bảo quản

Câu 33: Ưu điểm của phương pháp sử dụng chất bảo quản có nguồn gốc sinh học để bảo quản thức ăn chăn nuôi?

A. Khó thực hiện

B. Bảo vệ, duy trì được chất lượng thức ăn

C. Tiết kiệm lao động

D. Thuận tiện cho việc xuất nhập kho

Câu 34: Nhược điểm của phương pháp bảo quản thức ăn bằng silo là gì?

A. Tự động hóa trong quá trình xuất và nhập kho

B. Không ngăn chặn được sinh vật gây hại

C. Chi phí đầu tư cao

D. Thuận lợi cho việc bảo quản

Câu 35: Hãy sắp xếp thứ tự đúng các bước trong bảo quản thức ăn (rơm) cho trâu, bò bằng phương pháp kiềm hóa và làm khô?

(1) Lựa chọn rơm khô, đánh giá chất lượng. (2) Phơi, sấy rơm.

(3) Ngâm rơm khô với nước vôi (1%). (4) Rửa rơm cho sạch nước vôi.

(5) Đánh giá chất lượng, bảo quản và sử dụng.

A. (1), (2), (3), (4), (5) B. (1), (3), (2), (4), (5)

C. (2), (1), (3), (4), (5) D. (1), (3), (4), (2), (5)

Câu 36: Hãy chỉ ra đâu là yêu cầu cơ bản nhất đối với người lao động của một số nghành nghề phổ biến trong chăn nuôi?

A. Có sức khỏe tốt B. Chăm chỉ

C. Chịu khó D. Có trách nhiệm cao trong công việc

Câu 37: Phương pháp nào thường hay dùng để bảo quản thức ăn vật nuôi ở nước ta?

A. Bảo quản bằng nguồn gốc hóa học

B. Bảo quản trong kho lạnh

C. Bảo quản bằng phương pháp làm khô

D. Bảo quản bằng phương pháp làm ẩm

Câu 38: Trong các bước chế biến thức ăn chăn nuôi bằng công nghệ vi sinh, nội dung “ tưới dung dịch chế phẩm vi sinh vật đã chuẩn bị lên bột nguyên liệu, trộn đều để tăng hiệu quả lên men” là nội dung của bước

A. Lựa chọn nguyên liệu

B. Ủ

C. Trộn với chế phẩm vi sinh vật

D. Thu hoạch sản phẩm

**Vận dụng**

Câu 39: Phát triển chăn nuôi góp phần tạo ra nền nông nghiệp bền vững vì

A. Chăn nuôi phát triển sẽ thúc đẩy nhanh trồng trọt phát triển và ngược lại.

B. Sản phẩm chăn nuôi sẽ dần thay thế cho sản phẩm của trồng trọt.

C. Chăn nuôi có hiệu quả kinh tế cao hơn so với trồng trọt.

D. Chăn nuôi có nhiều vai trò hơn so với trồng trọt.

Câu 40: Phương pháp từ một bò mẹ cao sản, mỗi năm có thể cho hàng chục bê con, giúp tăng nhanh đàn bò sữa hoặc bò thịt chất lượng cao là thành tựu thuộc lĩnh vực nào trong công tác giống vật nuôi?

A.Ứng dụng công nghệ gene B. Công nghệ cấy truyền phôi

C. Công nghệ thụ tinh nhân tạo D. Công nghệ sử dụng tác nhân đột biến.

Câu 41: Điểm giống nhau giữa mô hình chăn nuôi bền vững và chăn nuôi thông minh.

A. Tập trung vào việc sử dụng công nghệ để tối ưu hoá quy trình sản xuất, tăng cường hiệu suất và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

B. tập trung vào việc tối ưu quy trình sản xuất, giảm thiểu tác động đến môi trường và tăng cường trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

C. đề cao việc sử dụng nguồn tài nguyên tự nhiên một cách bền vững, đảm bảo sự phát triển bền vững của ngành chăn nuôi

D. chú trọng đến quy trình đóng gói, vận chuyển và bảo quản sản phẩm để đảm bảo chất lượng và an toàn.

Câu 42: Ý nào đúng nhất khi nói về giống vật nuôi là gì?

A. Giống vật nuôi là quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người

B. Giống vật nuôi là quần thể vật nuôi cùng loài, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người

C. Giống vật nuôi là quần thể vật nuôi cùng nguồn gốc, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người

D. Giống vật nuôi là quần thể vật nuôi có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người

Câu 43: “Trong cùng một điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, dê Bách Thảo cho sản lượng sữa thấp hơn dê Alpine” thể hiện vai trò gì của giống vật nuôi

A. Giống vật nuôi quyết định đến năng suất chăn nuôi.

B. Điều kiện chăm sóc kém, nhưng giống tốt thì sản phẩm chăn nuôi vẫn tốt

C. Điều kiện chăm sóc kém, nhưng giống tốt thì năng suất chăn nuôi vẫn cao

D. Giống vật nuôi quyết định chất lượng sản phẩm chăn nuôi.

Câu 44: “Lai giữa lợn đực ngoại Yorkshire với lợn cái Móng Cái để tạo ra con lai F1 có khả năng sinh trưởng nhanh, tỉ lệ nạc cao và thích nghi với điều kiện chăn nuôi của Việt Nam.” là ví dụ về phương pháp lai nào?

A. Lai cải tiến

B. Lai thuần chủng

C. Lai kinh tế phức tạp

D. Lai kinh tế đơn giản

Câu 45: “Lai giữa gà trống Hồ với gà mái Lương Phượng để tạo ra con lai F1, sau đó con mái F1 được cho lai với con trống Mía để tạo ra con lai F2 (Mía x Hổ x Phượng) là giống gà thịt lông màu thả vườn”. đây là ví dụ về phương pháp lai nào?

A. Lai kinh tế phức tạp

B. Lai kinh tế đơn giản

C. Lai cải tiến

D. Lai thuần chủng

**III. Tự luận:**

**Câu 1:** Em hãy cho biết một số phương pháp bảo quản thức ăn cho vật nuôi trong mùa mưa lạnh?

**Trả lời:**

Một số phương pháp để bảo quản thức ăn cho vật nuôi trong mùa mưa lạnh:

+ Dự trữ thức ăn khô: Rơm khô là một nguồn cung cấp Protein , Gluxit , Vitamin và chất khoáng chủ yếu cho gia súc nhai lại vào mùa lạnh . Phương pháp này có ưu điểm là rất đơn giản , rơm ít bị hỏng .

+ Trồng các loại cỏ bổ sung: cỏ xanh là thức ăn thiết yếu cho động vật nuôi nhưng lại thay đổi năng suất trong mùa mưa lạnh nên cần thiết phải chuyển một số diện tích sản xuất lương thực kém hiệu quả sang trồng các giống cỏ năng suất cao , chịu hạn , chịu rét tốt như cỏ voi , cỏ Ghi nê , VA06…

+ Ủ héo thức ăn xanh: cỏ dùng làm ủ héo có hàm lượng chất khô cao hơn dùng để ủ tươi . Cỏ ủ héo thường lên mem ít , lượng chất dinh dưỡng bị mất đi trong quá trình ủ thường ít hơn.

+ Dữ trữ các phụ phẩm nhiều chất sơ: rơm , ngọn lá mía , ngọn sắn …

**Câu 2:** Nêu ưu và nhược điểm của hình thức bảo quản thức ăn cho vật nuôi bằng silo ?

**Trả lời:**

Phương pháp bảo quản thức ăn cho vật nuôi bằng silo:

Kho silo là một nơi để lưu trữ và bảo quản thức ăn chăn nuôi không đóng bao với số lượng lớn.

+ Ưu điểm của hình thức bảo quản thức ăn bằng hình thức silo: silo có sức chứa lớn, có thể chứa hơn 1000 tấn thức ăn; có thể tự động hóa trong quá trình nhập, xuất kho; ngăn chặn được sự phá hoại của động vật, vi sinh vật; tiết kiệm được diện tích, chi phí lao động

+ Nhược điểm: chi phí đầu tư cao.

**Câu 3:** Vì sao chúng ta phải quan tâm đến quá trình chọn lọc giống vật nuôi?

**Trả lời:**

Chúng ta cần phải quan tâm đến quá trình chọn giống vật nuôi vì các lí do sau đây:

- Là việc phát hiện và giữ lại những cá thể mang đặc tính tốt đáp ứng các yêu cầu đề ra và loại thải các cá thể xấu không đạt yêu cầu.

- Nhằm hoàn thiện giống vật nuôi và nâng cao năng suất vật nuôi...

-  Việc chọn giống vật nuôi tốt sẽ dễ dàng thích nghi hơn.

**Câu 4:** So sánh chọn lọc hàng loạt và chọn lọc cá thể?

**Trả lời:**

**Giống nhau:**

- Đều được sử dụng trong chọn giống thực vật và động vật.

- Đế có cơ sở chung là tạo ra giông có năng suất cao đưa vào sản xuất đại trà phục vụ cho nhu cầu con người.

**Khác nhau:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chọn lọc hàng loạt** | **Chọn lọc cá thể** |
| Dựa vào ngoại hình, các chỉ tiêu về khả năng sản xuất của đàn vật nuôi. | Thường chọn đực giống. |
| Áp dụng khi chọn lọc nhiều cá thể vật nuôi để làm giống trong thời gian ngắn. | Hiệu quả chọn lọc cao, giống được tạo ra có độ đồng đều, năng suất ổn định, giống được sử dụng trong thời gian dài. |
| Dễ tiến hành, không đòi hỏi kĩ thuật cao, không tốn kém. | Cần nhiều thời gian, cơ sở vật chất và yêu cầu kĩ thuật phải cao. |
| Hiệu quả chọn lọc thường không cao và không ổn định. | Hiệu quả chọn lọc cao, giống được tạo ra có độ đồng đều, năng suất ổn định. |

Câu 5: Nêu các chỉ tiêu ngoại hình của một giống vật nuôi phổ biến ở đại phương ?

HS tự trả lời